

Bản án số: 388/2025/DS-PT

Ngày: 26/6/2025

*V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi
và tranh chấp hợp đồng vay tài
sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Đoan**

Các Thẩm phán: Bà **Lưu Thị Thu Thủy**

Bà Võ Thị Thu Thúy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Mai Gia Khánh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*
Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 và ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DSST ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 894/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Thị S**, sinh năm: 1982 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1968 (Có mặt);

2. Ông **Trịnh Văn Bé T**, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang

- *Người kháng cáo:* Bị đơn **Nguyễn Thị H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Hồ Thị S trình bày: bà tham gia hội do bà Nguyễn Thị H làm chủ hội và cho bà H vay tiền như sau:

- Dây hội 1: 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, khởi khui ngày 20/11/2022 (âm lịch), hội gồm 22 phần, chị tham gia 01 phần và đóng hội đầy đủ đến tháng 07/2024 âm lịch do hội bể bà H chưa giao tổng cộng số tiền hội là 103.000.000 đồng.

- Dây hội 2: 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, khởi khui ngày 15/6/2022 (âm lịch), hội gồm 26 phần, bà tham gia 01 phần và đóng hội đầy đủ đến tháng 06/2024 âm lịch do hội bể bà H chưa giao tổng cộng số tiền hội là 49.200.000 đồng.

- Dây hội 3: 10.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, khởi khui ngày 10/9/2022 (âm lịch), hội gồm 19 phần, chị tham gia 02 phần và đóng hội đầy đủ 8 kỳ đến tháng 05/2024 âm lịch do hội bể bà H chưa giao tổng cộng số tiền hội là 160.000.000 đồng.

- Ngày 20/3/2020 âm lịch bà Nguyễn Thị H vay bà số tiền là 100.000.000 đồng, ngưng trả lãi từ tháng 5/2024, vốn chưa trả.

- Ngày 17/8/2020 âm lịch bà Nguyễn Thị H vay bà số tiền là 50.000.000 đồng, ngưng trả lãi từ tháng 5/2024, vốn chưa trả.

- Ngày 17/8/2020 âm lịch bà Nguyễn Thị H vay bà số tiền là 50.000.000 đồng, ngưng trả lãi từ tháng 5/2024, vốn chưa trả.

Chơi hội và vay tiền bà H có đưa danh sách hội cho hội viên và giấy nợ Tổng cộng bà H nợ chị số tiền là 562.200.000 đồng (Năm trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm ngàn đồng) bao gồm 250.000.000 đồng tiền vay và 312.200.000 đồng tiền hội. Thời gian bà H làm chủ hội, số tiền nợ hội và vay nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình của vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T trong thời kỳ hôn nhân.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H và Ông Trịnh Văn Bé T có trách nhiệm liên đới trả bà tổng số tiền là 562.200.000 đồng (Năm trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm ngàn đồng) bao gồm 250.000.000 đồng tiền vay và 312.200.000 đồng tiền hội, trả ngay khi bản án có hiệu lực.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị H là bà Nguyễn Thị Mỹ H1 trình bày: bà Nguyễn Thị H vẫn giữ ý kiến như trong bản tự khai đồng ý trả bà Hồ Thị S số tiền vay 250.000.000 đồng, tiền hội của dây hội 2.000.000 đồng đồng ý trả số tiền vốn đóng hội là 40.000.000 đồng, tiền hội của dây hội 5.000.000 đồng đồng ý trả số tiền vốn đóng hội là 80.000.000 đồng, tiền vay và

tiền hui trả mỗi tháng 5.000.000 đồng; tiền hui của dây hui mùa 10.000.000 đồng đồng ý trả số tiền vốn đóng hui là 88.900.000 đồng đến tháng 5/2027 mãn hui sẽ trả, bà H làm chủ hui tháng 8/2024 đến khi bẻ hui.

Bị đơn ông Trịnh Văn Bé T xin vắng mặt có bản tự khai không đồng ý cùng bà H trả số tiền hui và tiền vay cho chị Hồ Thị S.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang áp dụng các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UNTƯQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị S.

Buộc ông Trịnh Văn Bé T và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả chị Hồ Thị S số tiền vay và tiền nợ hui tổng cộng 562.200.000 đồng, thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Hồ Thị S có yêu cầu thi hành án, nếu ông Trịnh Văn Bé T và bà Nguyễn Thị Hồng C thi hành số tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, bị đơn Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà bao gồm:

- Bà Nguyễn Thị H xin trả dần cho chị Hồ Thị S tiền vốn 03 phần hui là: 212.900.000 đồng (Hai trăm mười hai triệu chín trăm ngàn đồng).

- Đối với số tiền vay, bà H trình bày có trả tiền lãi cho bà S được 274.500.000 đồng, bà đã đóng lãi cho bà S đến tháng 5 năm 2024, lãi suất 3%/tháng, được 274.500.000 đồng. Theo bà H, tiền lãi theo quy định 0,83%/tháng, tổng cộng tiền lãi đến tháng là 82.585.000 đồng, còn lại bà đã trả dư là 191.915.000 đồng sẽ được trừ vào tiền vào tiền vốn, vậy số tiền vốn còn lại là 58.085.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H xin trả tổng tiền vốn hui và nợ còn thiếu chị Hồ Thị S là: 212.900.000 đồng + 58.085.000 đồng = 270.985.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Bà Nguyễn Thị H đồng ý trả số

tiền trên cho chị Hồ Thị S và xin trả dần hàng tháng 5.000.000 đồng đến khi hết nợ.

- Bà Nguyễn Thị H thừa nhận chơi hụi, vay tiền này do Bà Nguyễn Thị H làm và xin chịu trách nhiệm một mình bà không liên quan gì đến ông Trịnh Văn Bé T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Hồ Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng G nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H trình bày bà vay của bà S lãi suất 3%/tháng, bà đã trả tiền lãi cho bà S đến tháng 5 năm 2024 số tiền lãi là 274.500.000 đồng nhưng bà H không có chứng cứ để chứng minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hồ Thị S trình bày, bà cho bà H vay lãi suất 3%/tháng, tuy nhiên từ khi vay đến tháng 5 năm 2024 bà H chỉ trả tiền lãi cho bà tổng cộng chỉ được 108.000.000 đồng. Bà S không thừa nhận bà H có trả tiền lãi là 274.500.000 đồng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị H2: Về tiền nợ hụi bà H2 xin trả tiền vốn nhưng không được bà S đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận. Về tiền vay, bà S thừa nhận bà H2 có trả tiền lãi cho bà được 108.000.000 đồng nên cần trừ vào tiền vốn bà S cho bà H2 vay, về trách nhiệm liên đới đề nghị bà H2 và ông T liên đới trả tiền cho bà S, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà H2, sửa án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về xác định thẩm quyền và quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo ngày 21/1/2025 của bà Nguyễn Thị H trong thời hạn quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Hồ Thị S là hội viên, bà Nguyễn Thị H là chủ hội, ông T là chồng của bà H. Bà S có cho bà H mượn tiền và bà S có tham gia ba dây hội do bà H làm chủ. Theo bà S, bà H mượn tiền của bà S ba lần tổng cộng số tiền vốn là 250.000.000 đồng và tiền hội bà S đã đóng cho bà H tổng cộng là 312.200.000 đồng. Bà H thừa nhận có nợ tiền vốn vay của bà S là 250.000.000 đồng, đối với tiền hội bà H thừa nhận tiền vốn hội bà S đã đóng cho bà tổng cộng của ba dây hội là 212.900.000 đồng. Bà H đồng ý trả tiền vay cho bà S là 250.000.000 đồng và đồng ý trả tiền vốn hội cho bà S là 212.900.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc bà H và ông T trả cho bà S số tiền vay và tiền hội là 562.200.000 đồng. Bà H không đồng ý nên có đơn kháng cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H:

Về nợ vay, tại phiên tòa phúc thẩm, bà S và bà H trình bày thống nhất bà S cho bà H vay tiền ba lần như sau: Ngày 17/8/2020AL vay 50.000.000 đồng, lãi 3%/tháng; Ngày 20/3/2020AL vay 100.000.000 đồng, lãi 3%/tháng; Ngày 20/10/2022AL vay 100.000.000 đồng, lãi 3%/tháng. Như vậy giữa bà S và bà H thống nhất về thời gian cho vay, số tiền vay và lãi suất cho vay. Đối với số tiền lãi, tại phiên tòa phúc thẩm bà H trình bày đã trả cho bà S được 274.500.000 đồng nhưng bà H không có chứng cứ gì để chứng minh, phía bà S chỉ thừa nhận bà H chỉ có trả lãi được 108.000.000 đồng. Do đó chỉ có căn cứ xác định bà H trả tiền lãi cho bà S được số tiền là 108.000.000 đồng. Nhận thấy, đối với bà lần bà S cho bà H vay tiền nêu trên, lãi suất từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự số tiền lãi bà H phải trả cho bà S là 187.449.999 đồng, tuy nhiên bà H chỉ trả được cho bà S số tiền là 108.000.000 đồng là còn thiếu so với lãi suất theo quy định, tuy nhiên phía bà S chỉ yêu cầu bà H trả số tiền vốn 250.000.000 đồng là đã có lợi cho bà H.

Về nợ hội, bà S đóng cho bà H tiền vốn của ba dây dui là 212.900.000 đồng, tiền hội là 312.200.000 đồng. Bà H chỉ đồng ý trả tiền vốn hội 212.900.000 đồng cho bà S nhưng không được bà S đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

Về trách nhiệm ông T liên đới với bà H để trả tiền vay và tiền hội cho bà S, xét thấy khi bà H mượn tiền của bà S và khi bà S tham gia hội của bà H thì bà H ông T vẫn còn là vợ chồng. Bà H không có căn cứ gì để chứng minh ông T không có liên quan đến tiền vay và tiền nợ hội của bà S nên ông T phải có nghĩa vụ liên đới với bà S trả tiền cho bà S.

Đối với việc bà H xin trả nợ dần, phía bà S không đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

Tòa sơ thẩm xử buộc bà H và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà S tiền vay và tiền hui là 562.200.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có một phần phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Bà H và ông T phải chịu án phí sơ thẩm là 26.488.000 đồng. Bà H phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313, và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị S.

Buộc ông Trịnh Văn Bé T và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả bà Hồ Thị S số tiền vay và tiền nợ hui tổng cộng 562.200.000 đồng.

Kể từ ngày bà Hồ Thị S có yêu cầu thi hành án, nếu ông Trịnh Văn Bé T và bà Nguyễn Thị Hồng C thi hành số tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T phải chịu 26.488.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số 0003854 ngày 10/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước nên xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm.

H3 lại bà Hồ Thị S 13.244.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số 0003665 ngày 31/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Đoan